

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 77/2020/KDTM-PT

Ngày: 17/06/2020

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phương Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ông Trần Chí Thành– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15,17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 148/2019/TLPT-KDTM ngày 24/12/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 14/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2020/QĐ-HPT ngày 03/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X; Địa chỉ: Tầng X, văn phòng số X Tòa nhà V, số X LTT, phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H (Giấy ủy quyền số 414/2016/EIB/UQ-TGD ngày 14/7/2016). (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Tài nguyên – Công nghệ và Thương mại T; Trụ sở: Thôn X, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Đức Th – Chức vụ: Giám đốc; Trụ tại: Phòng X, nhà X, chung cư B, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Anh Mai Văn C, sinh năm 1976, (có mặt).

2. Chị Tạ Thị N, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Đều trú tại: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Hà Nội.

3. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1971 (có mặt).

4. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1978(vắng mặt).

5. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1942(vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1941(vắng mặt).

7. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1983(vắng mặt).

8. Chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1966(vắng mặt).

9. Chị Hoàng Thị Hoàn M, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1, ông L, bà K, chị T2, chị T3 : Ông Hoàng Văn Q sinh năm 1971 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội.

10. Ông Hoàng Văn T4, sinh năm 1968(vắng mặt).

Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội

11. Bà Ngô Thị Thanh V, sinh năm 1972 (có mặt).

12. Anh Hoàng Doanh T5, sinh năm 1993 (vắng mặt).

13. Chị Phí Thị M, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

14. Cháu Hoàng Bảo K, sinh năm 2018

Đều trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của cháu K là anh Hoàng Doanh T5; Người đại diện theo ủy quyền của ông T4, chị M là anh Hoàng Doanh T5 (giấy ủy quyền ngày 8/7/2019) (Vắng mặt)

15. Bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1952 (vắng mặt).

16. Chị Trần Thị T6, sinh năm 1973 (vắng mặt).

17. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1980 (vắng mặt).

18. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (có mặt).

19. Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Đều trú tại: Đội 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

20. Ông Trần Văn M (đã chết năm 2017), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn M gồm:

- Bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1952 (vắng mặt).

- Chị Trần Thị T6, sinh năm 1973 (vắng mặt).

- Anh Trần Trung K, sinh năm 1975 (vắng mặt).

- Chị Trần Thị T7, sinh năm 1979 (vắng mặt).

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1980 (vắng mặt).

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Đội 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

21. Cháu Nguyễn Thị Th, sinh năm 2002 (vắng mặt).

22. Cháu Nguyễn Thị Linh C, sinh năm 2004

23. Cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 2012

Người đại diện theo pháp luật của cháu C, cháu N: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Đều trú tại: Đội 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

24. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1930

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nh: Ông Mai Văn Đ1 (có mặt).

25. Ông Mai Văn Đ2, sinh năm 1926 (đã chết tháng 1/2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ2 gồm:

- Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1930

- Ông Mai Văn U', sinh năm 1954

- Bà Mai Thị V, sinh năm 1957

- Bà Mai Thị K, sinh năm 1960

- Ông Mai Văn L, sinh năm 1963

- Ông Mai Văn D, sinh năm 1966
- Ông Mai Văn Th1, sinh năm 1970
- Ông Mai Văn Th2, sinh năm 1972
- Ông Mai Văn C, sinh năm 1976

Người đại diện theo ủy quyền của ông U, bà V, bà K, ông L, ông D, ông Th1, ông C là ông Mai Văn Th2. (Có mặt)

26. Anh Mai Văn N, sinh năm 2000 (vắng mặt).

27. Cháu Mai Thị L, sinh năm 2002 (vắng mặt).

28. Cháu Mai Văn T, sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của cháu T là: Anh Mai Văn C
(Có mặt).

Đều trú tại: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần X do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP X (Viết tắt là E) ký kết hai Hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần tài nguyên – công nghệ và thương mại T (Viết tắt là Công ty T), cụ thể:**

- Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011. với nội dung: E cho Công ty T vay: 1.600.000.000 VNĐ; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thiết bị nhà tắm, nhà bếp cho Cty CP D; Thời hạn: 10 tháng kể từ ngày 20/5/2011 đến ngày 20/3/2012; Lịch trả gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất vay: 24% /năm; Lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102561 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011. Với nội dung: E cho công ty T vay: 2.000.000.000 VNĐ; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua thiết bị nhà tắm cho Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ V; Thời hạn: 6 tháng kể từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/3/2012; Lịch trả gốc: Trả một lần khi đáo hạn khoản vay; Lịch trả lãi: Vào ngày 27 hàng tháng; Lãi suất vay: 23% / năm; Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty T, các bên đã ký kết 4 Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thế chấp số 5650/2010/HĐTC, quyển số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty T là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 49, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 357599, cấp ngày 05/3/2004 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.576.125.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.805.556 đồng, nợ lãi quá hạn là 498.840.278 đồng).

+ Hợp đồng thế chấp số 5649/2010/HĐTC, quyển số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty T là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 496017, cấp ngày 03/12/2007 đứng tên chủ sử dụng là ông Mai Văn C.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 1.545.675.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 642.483.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 299.304.167 đồng).

+ Hợp đồng thế chấp số 7826.2010/HĐTC, quyển số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty T là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 07, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738041, cấp ngày 26/05/2003 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Hoàng Văn Q.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

+ Hợp đồng thế chấp số 7827.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty T là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 13, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738021, cấp ngày 26/05/2003 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Hoàng Văn T4.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho Công ty T. Công ty T đã thanh toán trả cho E số tiền cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011: Gốc đã trả: 0 đồng; Lãi đã trả: 197.953.745 đồng.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LAV-201102561 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011: Gốc đã trả: 0 đồng; Lãi đã trả: 77.733.724 đồng.

Nay E đề nghị Công ty T phải thanh toán trả nợ gốc, lãi cho E tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/8/2019 tổng số tiền nợ gốc lãi là 9.245.416.667 đồng gồm:

* Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011,

-Nợ tiền gốc: 1.600.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn từ ngày 20/5/2011 đến ngày 23/8/2019 là : 1.713.288.889 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 23/8/2019 là: 798.144.444 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.111.433.333 đồng.

* Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LAV-201102561 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011.

-Nợ tiền gốc: 2.000.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/3/2012 là: 2.140.572.222đồng.

- Lãi quá hạn tính từ 28/3/2012 đến ngày 23/8/2019: 993.411.111đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.133.983.333 đồng.

Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ, E có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

2. Tại biên bản tự khai bị đơn Công ty cổ phần Tài nguyên – Công nghệ và Thương mại T (Viết tắt là Công ty T) trình bày: Bị đơn thừa nhận về thời gian, hình thức, nội dung ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay công ty xác nhận còn nợ của E tổng số tiền là: 9.245.416.667 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 3.600.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.853.861.111 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.791.555.556 đồng. Do điều kiện kinh doanh của công ty gặp quá nhiều khó khăn, dẫn đến thất thoát vốn và nhiều năm nay không có điều kiện trả nợ ngân hàng. Quan điểm bị đơn đề nghị ngân hàng giãn nợ, đồng thời miễn toàn bộ phần lãi và một phần gốc cho công ty. Nếu ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ ông Mai Văn C trình bày: Ông Phùng Đức Th Giám đốc Công ty T là người gốc huyện Quốc Oai nên khi ông Th đặt vấn đề mượn sổ đỏ để thế chấp khoản vay của công ty T, ông C và gia đình có đồng ý cho mượn và có ký kết hợp đồng thế chấp. Ông C khẳng định ngoài ra gia đình không liên quan đến việc vay mượn tiền với ông Th và công ty T. Việc ông C ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hiện tại trên thửa đất này gồm có bố mẹ đẻ, vợ chồng anh và 3 con anh đang quản lý sử dụng, ngoài ra không còn ai khác. Đề nghị cơ quan nhà nước xem xét việc gia đình có chỗ ở duy nhất, điều kiện hiện tại khó khăn. Yêu cầu công ty T có trách nhiệm trả hết nợ ngân hàng để giải chấp trả sổ đỏ cho gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ ông Hoàng Văn Q trình bày: Thông qua việc chị gái ông Q là bà Hoàng Thị T3 đặt vấn đề cho bà T3 mượn sổ đỏ để làm ăn, vợ chồng ông đồng ý ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản

vay của công ty. Quá trình cho bà T3 mượn sổ đỏ thì giữa hộ ông Q và bà T3 không lập văn bản, giấy tờ gì.

Hiện tại nhà đất này gồm có bố mẹ ông, 2 vợ chồng ông và 2 con đang quản lý sử dụng, ngoài ra không còn ai khác. Đề nghị cơ quan nhà nước xem xét việc gia đình ông có chỗ ở duy nhất, điều kiện hiện tại khó khăn. Yêu cầu công ty T có trách nhiệm trả hết nợ ngân hàng để giải chấp trả sổ đỏ cho gia đình về quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hộ ông Hoàng Văn T4 bà Ngô Thị Thanh V và anh Hoàng Doanh T5 trình bày: Bà V, anh T5 xác nhận năm 2011 có cho ông Th Công ty T mượn bìu đỏ để thế chấp Ngân hàng cho Công ty T vay tiền. Hiện tại trên thửa đất gồm có vợ chồng ông T4, vợ chồng anh T5 và con anh T5 đang quản lý sử dụng, ngoài ra không còn ai khác.

Gia đình có chỗ ở duy nhất, điều kiện hiện tại khó khăn. Yêu cầu công ty T có trách nhiệm trả hết nợ ngân hàng để giải chấp trả sổ đỏ cho gia đình về quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Tr, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Th, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Trần Trung K và những người Người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Trần Văn M (ông M chết năm 2017) không có ý kiến, không làm giấy ủy quyền tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Trần Văn Đ trình bày: Anh Đ là con trai ông M xác nhận toàn bộ thông tin và quá trình ký kết hợp đồng thế chấp theo đúng như Hợp đồng thế chấp đã ký kết và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hiện tại trên thửa đất gồm có mẹ anh bà Tr, chị T6, chị M, anh K, chị Th, 3 con chị Th, vợ chồng anh và con anh đang quản lý sử dụng, ngoài ra không còn ai khác.

Năm 2010 thì gia đình có vay của ông Th – Giám đốc công ty T số tiền 250.000.000 đồng để sử dụng việc gia đình, đến nay chưa trả ông Th và cũng không có tài liệu xuất trình cho Tòa án. Tuy nhiên, đây là quan hệ dân sự khác, không liên quan đến việc công ty T tranh chấp Hợp đồng tín dụng với E trong vụ án này. Gia đình anh cũng không đồng ý việc bù trừ nghĩa vụ cho ông ty T trong vụ án này.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty T có nghĩa vụ trả nợ E số tiền tổng cộng là: 9.245.416.667 đồng, gồm:

* Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011,

- Nợ tiền gốc: 1.600.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn từ ngày 20/5/2011 đến ngày 20/3/2012 là : 1.713.288.889 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 23/8/2019 là: 798.144.444 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.111.433.333 đồng.

* Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LAV-201102516 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011.

- Nợ tiền gốc: 2.000.000.000 đồng.

- Lãi trong hạn từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/3/2012 là: 2.140.572.222 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ 28/3/2012 đến ngày 23/8/2019: 993.411.111 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.133.983.333 đồng.

Công ty T tiếp tục phải chịu lãi quá hạn, theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xử lý tài sản bảo đảm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty T không thi hành trả nợ gốc và lãi số tiền trên E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 49, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 357599, cấp ngày 05/3/2004 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Văn M. Hợp đồng thế chấp số 5650/2010/HĐTC, quyển số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.576.125.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.805.556 đồng, nợ lãi quá hạn là 498.840.278 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 496017, cấp ngày 03/12/2007 đứng tên chủ sử dụng là ông Mai Văn C. Hợp đồng thế chấp số 5649/2010/HĐTC, quyền số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2011 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 1.545.675.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 642.483.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 299.304.167 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 07, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738041, cấp ngày 25/05/2003 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Hoàng Văn Q. Hợp đồng thế chấp số 7826.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 13, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, tp. Hà Nội được UBND huyện Quốc Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738021, cấp ngày 25/05/2003 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Hoàng Văn T4. Hợp đồng thế chấp số 7827.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội; đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quốc Oai.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị Công ty T có nghĩa vụ trả hết nợ cho E.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm Ngày 19/9/2019 ông Mai Văn Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Nh có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, cho rằng nguồn gốc tài sản đảm bảo thế chấp không phải của anh Mai Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án thì không có tài liệu chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Nh do ông Mai Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Văn Đ2 (chết tháng 1/2020) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ2 là Bà Nguyễn Thị Nh, Ông Mai Văn U, bà Mai Thị V, bà Mai Thị K, ông Mai Văn L, ông Mai Văn D, ông Mai Văn Th1, ông Mai Văn Th2, ông Mai Văn C; bà Nguyễn Thị Nh do ông Mai Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền; giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Mai Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Nh do ông Mai Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.1. Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa vắng mặt chị Tạ Thị N, chị Hoàng Thị Hoàn M, ông Hoàng Văn T4, chị Phí Thị M (ông T4, chị M do anh Hoàng Doanh T5 đại diện theo ủy quyền), anh Hoàng Doanh T5, cháu Hoàng Bảo K do anh Hoàng Doanh T5 là người đại diện theo pháp luật, bà Vũ Thị Tr, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Th, anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị Tuyết M, bà Vũ Thị Tr, anh Trần Trung K, chị Trần Thị T7, anh Trần Văn N, chị Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Thị Linh C, cháu Nguyễn Thị N. Cháu C, cháu N do anh Trần Văn Đ là người đại diện theo pháp luật. Anh Mai Văn Nhật. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh do ông Mai Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011, khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LAV-201102561 ngày 27/9/2011, khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011 ký kết giữa ngân hàng E và Công ty T, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T trả nợ cho ngân hàng E số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày xét xử 23/8/2019 là 9.245.416.667 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi xét xử các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về vấn đề này. Tuy nhiên qua kiểm tra bảng

tính lãi của Ngân hàng, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty T thanh toán trả lãi trong hạn cho E từ ngày 20/5/2011 đến ngày 20/3/2012 đối với hai hợp đồng là chưa chính xác, vì theo bảng tính lãi của ngân hàng E thì số tiền lãi trong hạn được tính từ ngày 20/5/2011 đến ngày 23/8/2019. Do đó cần phải sửa án sơ thẩm về phần này. Vì vậy, buộc Công ty T trả nợ cho ngân hàng E số tiền nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày xét xử 23/8/2019 là 9.245.416.667 đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011 Nợ gốc là: 1.600.000.000 đồng; Nợ Lãi trong hạn từ ngày 20/5/2011 đến ngày 23/8/2019 là : 1.713.288.889đồng; Nợ Lãi quá hạn tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 23/8/2019 là: 798.144.444 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.111.433.333 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102516 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011 Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Nợ Lãi trong hạn từ ngày 27/9/2011 đến ngày 23/8/2019 là: 2.140.572.222đồng; Nợ Lãi quá hạn tính từ 28/3/2012 đến ngày 23/8/2019: 993.411.111đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.133.983.333 đồng.

2.1.2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 49, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 357599, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/3/2004 mang tên hộ ông Trần Văn M. Theo Hợp đồng thế chấp số 5650/2010/HĐTC, quyền số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội;

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 496017, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 03/12/2007 mang tên ông Mai Văn C. Theo Hợp đồng thế chấp số 5649/2010/HĐTC, quyền số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 07, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội . Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738041, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 26/05/2003

mang tên hộ ông Hoàng Văn Q. Theo Hợp đồng thế chấp số 7826.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

+Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 13, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội Hà Nội . Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738021, Nội, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 26/05/2003 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Hoàng Văn T4. Theo Hợp đồng thế chấp số 7827.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng thế chấp trên được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, các tài sản thế chấp đều đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Ông Mai Văn Đ2 (chết tháng 1/2020) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ2 là- Bà Nguyễn Thị Nh, Ông Mai Văn U', bà Mai Thị V, bà Mai Thị K, ông Mai Văn L, ông Mai Văn D, ông Mai Văn Th1, ông Mai Văn Th2, ông Mai Văn C và Bà Nguyễn Thị Nh, do ông Mai Văn Đ1 kháng cáo cho rằng nguồn gốc nhà đất tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội không phải là của ông Mai Văn C, mà diện tích nhà đất này là của ông Đ2, bà Nh và đề nghị Tòa án xác nhận diện tích nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Đ2 không xuất trình được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của này. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện diện tích nhà đất trên ông C được Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai, cấp ngày 03/12/2007. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh C xác nhận vợ chồng anh quản lý sử dụng diện tích nhà đất này từ trước cho đến nay, anh xác nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp là do các bên tự nguyện không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà Nhẫn, ông Đoàn cũng không có đơn yêu cầu độc lập đối với yêu cầu này, mà sau khi xét xử sơ thẩm thì ông Đ2, bà N do ông Mai Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền mới có đơn kháng cáo về việc này. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng năm 2015,

yêu cầu của ông Đ2, bà Nh vượt quá phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm, do vậy không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên “ Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty T không thi hành trả nợ gốc và lãi số tiền trên E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên....” là không chính xác, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm. Nên sửa thành: Trường hợp Công ty cổ phần tài nguyên- Công nghệ và thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Tại thời điểm kháng cáo ông Đ2, bà Nh có đơn xin miễn giảm án phí do là người cao tuổi, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã miễn cho ông Đ2, bà Nh tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, 227, 293 và khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,343,351,355,471,476,478,715, 716,717, 720,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều, 51, Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X đối với Công ty cổ phần Tài nguyên - Công nghệ và thương mại T.

2. Buộc Công ty cổ phần tài nguyên- Công nghệ và thương mại T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là: 9.245.416.667 đồng, cụ thể:

* Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102051 ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102251 ngày 20/5/2011 Nợ gốc là: 1.600.000.000 đồng; Nợ Lãi trong hạn từ ngày 20/5/2011 đến ngày 23/8/2019 là : 1.713.288.889đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 21/3/2012 đến ngày 23/8/2019 là: 798.144.444 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.111.433.333 đồng.

* Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201102516 ngày 27/9/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102819 ngày 27/9/2011 Nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn từ ngày 27/9/2011 đến ngày 23/8/2019 là: 2.140.572.222đồng; Nợ Lãi quá hạn tính từ 28/3/2012 đến ngày 23/8/2019: 993.411.111đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 5.133.983.333 đồng.

Công ty cổ phần tài nguyên- Công nghệ và thương mại T còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/8/2019 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc trên cho Ngân hàng TMCP X.

3. Trường hợp Công ty cổ phần tài nguyên- Công nghệ và thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 49, tờ bản đồ số 03, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 357599, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 05/3/2004 mang tên hộ ông Trần Văn M. Theo Hợp đồng thế chấp số 5650/2010/HĐTC, quyền số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.576.125.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.805.556 đồng, nợ lãi quá hạn là 498.840.278 đồng).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 174, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 496017, do UBND huyện Quốc Oai cấp ngày 03/12/2007 mang tên ông Mai Văn C. Theo Hợp đồng thế chấp số 5649/2010/HĐTC, quyền số 03, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 1.545.675.000 đồng (trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 642.483.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 299.304.167 đồng).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 07, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738041, do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 26/05/2003 mang tên hộ ông Hoàng Văn Q. Theo Hợp đồng thế chấp số 7826.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 13, tờ bản đồ số 09, tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 738021, do Ủy ban nhân dân huyện Quốc Oai cấp ngày 26/05/2003 mang tên hộ ông Hoàng Văn T4. Theo Hợp đồng thế chấp số 7827.2010/HĐTC, quyền số 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/11/2010 tại Phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội.

Nghĩa vụ đảm bảo của tài sản này là 2.572.283.333 đồng (trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.070.286.111 đồng, nợ lãi quá hạn là 496.705.556 đồng).

Trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần tài nguyên- Công nghệ và thương mại T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X.

4. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là: 117.245.417 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí là 58.574.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/ 0004090 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Mai Văn Đ2 (chết tháng 1/2020) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ2 là- Bà Nguyễn Thị Nh, Ông Mai Văn U, bà Mai Thị V, bà Mai Thị K, ông Mai Văn L, ông Mai Văn D, ông Mai Văn Th1, ông Mai Văn Th2, ông Mai Văn C và bà Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6 - Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
- TAND huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng